

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- Thu thập thông tin, đánh giá mức độ đạt được của quá trình dạy học (từ tuần 1 đến tuần 8) so với yêu cầu đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục.

- Nắm bắt khả năng học tập, mức độ phân hóa về học lực của học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên có kế hoạch dạy học phù hợp với đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn.

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận

- Cách thức: Kiểm tra trên lớp theo đề của trường

III. BẢNG ĐẶC TẢ

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
Các loại hợp chất vô cơ	Nhận biết	- Tính chất hóa học: Oxit axit tác dụng được với nước, dung dịch bazơ, oxit bazơ, oxit bazơ tác dụng được với nước, dung dịch axit, oxit axit; Sự phân loại oxit. - Tính chất, ứng dụng, điều chế CaO, SO₂. - Tính chất hóa học của Axit: Tác dụng với quỳ tím, oxit bazơ, bazơ và kim loại - Tính chất ứng dụng, cách nhận biết axit HCl, H₂SO₄ loãng và H₂SO₄ đặc (tác dụng với kim loại, tính háo nước) phương pháp sản xuất H₂SO₄ trong công nghiệp. + HS biết được tính chất hóa học của axit HCl, H₂SO₄ loãng. + Biết được cách viết PTPƯ thể hiện t/chất HH chung của axit. + Viết đúng các PTHH cho mỗi t/chất. H₂SO₄ đặc có những t/chất hoá học riêng: Tính oxi hoá (t/dụng với những kim loại kém hoạt động) tính háo nước, dẫn ra được những PTHH cho những t/chất này. Những ứng dụng quan trọng của axit này trong sản xuất, trong đời sống - Những tính chất hóa học chung của bazơ và viết được phương trình hóa học tương ứng cho mỗi tính chất. - Các tính chất vật lý, hoá học của NaOH. Chúng có đầy đủ tính chất hoá học của một dung dịch bazơ. viết được các phương trình phản ứng minh họa cho các tính chất hoá học của NaOH. Biết phương pháp sản xuất NaOH trong công nghiệp. - Các tính chất vật lý, hoá học của Ca(OH)₂: Có đầy đủ tính chất hoá học của một dung dịch bazơ. Viết được các phương trình phản ứng minh họa cho các tính chất hoá học của Ca(OH)₂. Biết ý nghĩa pH của dung dịch. Biết cách pha chế dung dịch, biết ứng dụng Canxi hidroxit. - Tính chất hóa học của muối: Tác dụng với kim loại, dung dịch axit, dung dịch bazơ, dung dịch muối khác,		8		C1,2 C3,4 C5,6 C7,8

	phản ứng nhiệt phân và điều kiện để các phản ứng xảy ra. - Một số tính chất, ứng dụng của NaCl. - Khái niệm phản ứng trao đổi và điều kiện để phản ứng trao đổi thực hiện được. - Tên, thành phần hoá học, ứng dụng của một số phân bón hoá học thông dụng.				
Thông hiểu	- Viết được các phương trình hóa học minh họa tính chất hoá học của một số oxit. - Nhận biết một số oxit cụ thể. - Tính % khối lượng của oxit trong hỗn hợp hai chất. - Phân biệt được các phương trình hoá học minh họa tính chất hoá học của oxit. - Phân biệt được một số oxit cụ thể. - Sử dụng an toàn những axit này trong quá trình tiến hành thí nghiệm. Các nguyên liệu công đoạn sản xuất H₂SO₄ trong công nghiệp, những phản ứng xảy ra trong các công đoạn. - Vận dụng những t/chất của axit HCl, H₂SO₄ trong việc giải các bài tập định tính và định lượng - Rèn kỹ năng viết PTPƯ, phân biệt các chất, kỹ năng làm b/tập HH - Những tính chất hoá học của oxit bazơ, oxit axit và mối quan hệ giữa oxit bazơ và oxit axit - Những tính chất hoá học của axit - Dẫn ra những phản ứng hoá học minh họa cho tính chất của những hợp chất trên bằng những chất cụ thể như :CaO,SO₂,HCl,H₂SO₄. - Rèn kỹ năng làm các bài tập định tính và định lượng - Quan sát thí nghiệm và rút ra tính chất hóa học của axit nói chung. - Dự đoán, kiểm tra và kết luận về tính chất hóa học của HCl, H₂SO₄ loãng và H₂SO₄ đặc tác dụng với kim loại - Viết các PTHH chứng minh tính chất của H₂SO₄ loãng và H₂SO₄ đặc, nóng - Nhận biết dung dịch HCl và dung dịch muối clorua, axit H₂SO₄ và dd muối sunfat. - Tính nồng độ hoặc khối lượng dd axit HCl, H₂SO₄ trong phản ứng. - Phương pháp sản xuất NaOH bằng cách điện phân dung dịch NaCl trong công nghiệp, viết được phương trình điện phân. Rèn kỹ năng làm các bài tập định tính và định lượng - Nhận biết được một số muối cụ thể và một số phân bón hoá học thông dụng. - Viết được các phương trình hóa học minh họa tính chất hóa học của muối. - Tính khối lượng hoặc thể tích dung dịch muối trong phản ứng	1 + 1/3	1	C11 C12a	C9
Vận dụng bậc thấp	- Tính khối lượng Oxit, axit, bazơ, muối - Nhận biết các dung dịch - Nhận biết các chất rắn - Nhận biết các chất khí - Vận dụng được những tính chất của bazơ để làm các bài tập định tính và định lượng.	2/3	1	C12b,c	C10
Vận	- Giải thích hiện tượng thực tế liên quan đến	1		C13	

	dung bạc cao	oxit bazơ/bazơ thường gặp - Tính C% của chất tan trong dung dịch sau phản ứng. - Tính C _M sau phản ứng				
--	-----------------------------	---	--	--	--	--

IV. THIẾT LẬP MA TRẬN

Nội dung	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tổng
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1. Nhận biết, tính chất các loại HCVC: oxit, axit, bazơ, muối	- Nhận biết oxit axit, oxit bazơ - Nhận biết axit sunfuric và muối sunfat - Hiện tượng thí nghiệm tính chất hóa học của oxit bazơ/ axit. - Nhận biết phản ứng trung hòa, phản ứng trao đổi.		- Viết PT thể hiện tính chất hóa học của bazơ/ oxit axit - Tính chất khí		Khối lượng chất có trong hỗn hợp		Giải thích hiện tượng thực tế liên quan đến oxit bazơ/bazơ thường gặp		
Số câu hỏi	5		1	1/3	1			1	8 + 1/3
Số điểm	2,5đ		0,5đ	0,5đ	0,5đ			1,0 đ	5,0đ
2. Ứng dụng, điều chế các loại HCVC	- Biết nguyên liệu, sản phẩm của pp điều chế NaOH có màng ngăn. - Ứng dụng của SO ₂ , CaO - Sản xuất axit sunfuric								
Số câu hỏi	3								3
Số điểm	1,5đ								1,5đ
3. Mối quan hệ giữa các loại hợp chất vô cơ.			Viết PTHH thể hiện mối quan hệ giữa các loại HCVC						
Số câu hỏi				1					1
Số điểm				2,0đ					2,0đ
4. Tính					- Xác định chất				

toán					đư. Tính khối lượng/ thể tích chất đư. - Tính khối lượng sản phẩm			
Số câu hỏi						2/3		2/3
Số điểm						1,5đ		1,5đ
Tổng số câu	8		1	1 và 1/3	1	2/3		13
Tổng số điểm	4,0đ		0,5 đ	2,5 đ	0,5 đ	1,5đ		10,0đ
Tỉ lệ	40%		30%		20%		10%	100%

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề này có 01 trang)

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Chọn một phương án đúng cho mỗi câu hỏi.

Câu 1. Chất nào sau đây là oxit axit?

- A. K_2O . B. SO_3 . C. Fe_2O_3 . D. MgO .

Câu 2. Nguyên liệu sản xuất $NaOH$ là

- A. dung dịch $CaCl_2$ bão hòa. B. dung dịch HCl .
C. dung dịch $NaCl$ bão hòa. D. dung dịch H_2SO_4 .

Câu 3. Để phân biệt 2 dung dịch H_2SO_4 và Na_2SO_4 chứa trong các lọ riêng biệt bị mất nhãn, người ta dùng

- A. dung dịch $Ba(NO_3)_2$. B. dung dịch HCl .
C. Cu . D. Mg .

Câu 4. Oxit nào dưới đây được dùng làm chất hút ẩm, xử lí nước thải công nghiệp?

- A. CaO . B. SO_2 . C. CO_2 . D. CuO .

Câu 5. Chất nào dưới đây tác dụng với dung dịch HCl tạo dung dịch không màu?

- A. $Cu(OH)_2$. B. Fe_2O_3 . C. CuO . D. ZnO .

Câu 6. Phản ứng nào dưới đây thuộc loại phản ứng trao đổi?

- A. $Fe + CuSO_4 \longrightarrow FeSO_4 + Cu$.
B. $2NaOH + CuSO_4 \longrightarrow Na_2SO_4 + Cu(OH)_2$.
C. $CaCO_3 \xrightarrow{t^0} CaO + CO_2$.
D. $CaO + H_2O \longrightarrow Ca(OH)_2$

Câu 7. Cặp chất nào sau đây **không** phản ứng được với nhau?

- A. $CaCO_3$ và H_2SO_4 . B. $CaCl_2$ và Na_2CO_3 .
C. $NaNO_3$ và HCl . D. HCl và $Mg(OH)_2$.

Câu 8. Khí CO được dùng làm chất đốt trong công nghiệp, có lẫn tạp chất là các khí CO_2 , SO_2 . Để làm sạch khí CO người ta dùng hóa chất **rẻ tiền nhất** là

- A. dung dịch $NaOH$. B. dung dịch H_2SO_4 .
C. dung dịch $BaCl_2$. D. dung dịch $Ca(OH)_2$.

Câu 9. Hãy chọn sơ đồ phản ứng thích hợp sản xuất axit sunfuric ?

- A. $FeS_2 \rightarrow SO_2 \rightarrow H_2SO_3 \rightarrow H_2SO_4$.
B. $S \rightarrow SO_2 \rightarrow SO_3 \rightarrow H_2SO_3$.
C. $FeS_2 \rightarrow SO_2 \rightarrow SO_3 \rightarrow H_2SO_4$.
D. $FeS_2 \rightarrow SO_2 \rightarrow SO_3 \rightarrow BaSO_4$.

Câu 10. Cho 21,6 gam hỗn hợp gồm Fe và Fe_2O_3 tác dụng hết với dung dịch HCl thu được 2,24 lít khí (đktc). Khối lượng Fe_2O_3 trong hỗn hợp là

- A. 8g. B. 16g. C. 24g. D. 32g.

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 11 (2,0 đ).Viết các phương trình hóa học thực hiện những chuyển đổi hóa học sau:



Câu 12 (2,0 đ). Dẫn từ từ 1,344 lít khí CO_2 (đktc) vào một dung dịch có hòa tan 6 gam $NaOH$, sản phẩm là muối Na_2CO_3 .

a. Viết PTHH

b. Chất nào đã lấy dư và dư bao nhiêu (lít hoặc gam) ?

c. Tính khối lượng muối thu được sau phản ứng?

Câu 13 (1,0 đ). Giải thích tại sao người ta dùng vôi để cải tạo đất ở một số ruộng chua?

Cho nguyên tử khối: $C = 12$; $O = 16$; $Na = 23$; $H = 1$, $Fe = 56$.

-----Hết-----

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề này có 01 trang)

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Chọn một phương án đúng cho mỗi câu hỏi.

Câu 1. Chất nào sau đây là oxit bazơ?

- A. K_2O . B. P_2O_5 . C. SO_2 . D. CO_2 .

Câu 2. Sản phẩm thu được khi điện phân dung dịch $NaCl$ bão hòa có màng ngăn là

- A. H_2 , Cl_2 , H_2O . B. $NaOH$, H_2 , Cl_2 .
C. KOH , $NaOH$, H_2O . D. $NaOH$, H_2O , H_2 .

Câu 3. Để phân biệt hai dung dịch H_2SO_4 và HCl chứa trong các lọ riêng biệt bị mất nhãn, người ta dùng

- A. dung dịch $Ba(NO_3)_2$. B. Fe .
C. dung dịch phenolphthalein. D. dung dịch $NaOH$.

Câu 4. Oxit nào dưới đây được dùng làm chất tẩy trắng bột gỗ trong công nghiệp giấy?

- A. CaO . B. SO_2 . C. CO_2 . D. CuO .

Câu 5. Chất nào dưới đây tác dụng với dung dịch HCl tạo dung dịch có màu xanh lơ?

- A. Cu . B. Fe_2O_3 . C. CuO . D. Zn .

Câu 6. Phản ứng nào dưới đây là phản ứng trung hòa?

- A. $Fe + CuSO_4 \longrightarrow FeSO_4 + Cu$.
B. $2NaOH + CuSO_4 \longrightarrow Na_2SO_4 + Cu(OH)_2$.
C. $CaCO_3 \xrightarrow{t^0} CaO + CO_2$.
D. $Ca(OH)_2 + H_2SO_4 \longrightarrow CaSO_4 + 2H_2O$.

Câu 7. Cặp chất nào sau đây **không** phản ứng được với nhau?

- A. K_2CO_3 và H_2SO_4 . B. $BaCl_2$ và $CuSO_4$.
C. Na_2SO_4 và HCl . D. H_2SO_4 và $Cu(OH)_2$.

Câu 8. Hãy chọn sơ đồ phản ứng thích hợp sản xuất axit sunfuric ?

- A. $FeS_2 \rightarrow SO_2 \rightarrow SO_3 \rightarrow H_2SO_4$.
B. $FeS_2 \rightarrow SO_2 \rightarrow H_2SO_3 \rightarrow H_2SO_4$.
C. $S \rightarrow SO_2 \rightarrow SO_3 \rightarrow H_2SO_3$.
D. $FeS_2 \rightarrow SO_2 \rightarrow SO_3 \rightarrow BaSO_4$.

Câu 9. Khí CO được dùng làm chất đốt trong công nghiệp, có lẫn tạp chất là các khí CO_2 , SO_2 . Để làm sạch khí CO người ta dùng hóa chất **rẻ tiền nhất** là

- A. dung dịch $NaOH$. B. dung dịch $Ca(OH)_2$.
C. dung dịch $BaCl_2$. D. dung dịch H_2SO_4 .

Câu 10. Cho 21,5 gam hỗn hợp gồm Zn và ZnO tác dụng hết với dung dịch HCl thu được 2,24 lít khí (đktc). Khối lượng ZnO trong hỗn hợp là

- A. 20g. B. 15g. C. 10g. D. 5g.

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 11 (2,0 đ). Viết các phương trình hóa học thực hiện những chuyển đổi hóa học sau:



Câu 12 (2,0 đ). Dẫn từ từ 1,792 lít khí CO_2 (đktc) vào một dung dịch có hòa tan 8 gam $NaOH$, sản phẩm là muối Na_2CO_3 .

- a. Viết PTHH
b. Chất nào đã lấy dư và dư bao nhiêu (lít hoặc gam) ?
c. Tính khối lượng muối thu được sau phản ứng?

Câu 13 (1,0 đ). Tại sao khi quét nước vôi lên tường thì lát sau vôi khô và cứng lại ?

Cho nguyên tử khối: $C = 12$; $O = 16$; $Na = 23$; $H = 1$, $Zn = 65$

-----Hết-----

V. HƯỚNG DẪN CHẤM

Mã đề 1:

A. Trắc nghiệm: (5,0đ)

Mỗi câu đúng ghi 0,5đ. Không chọn câu nào hoặc chọn 2 câu trở lên không ghi điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	C	D	A	D	B	C	D	C	B

B. Tự luận: (5,0đ)

Câu 11. (2,0đ)

- (1) $\text{CaCO}_3 \xrightarrow{t^\circ} \text{CaO} + \text{CO}_2$
(2) $\text{CaO} + \text{H}_2\text{O} \longrightarrow \text{Ca(OH)}_2$
(3) $\text{Ca(OH)}_2 + 2\text{HCl} \longrightarrow \text{CaCl}_2 + 2\text{H}_2\text{O}$
(4) $\text{CaCl}_2 + 2\text{AgNO}_3 \longrightarrow \text{Ca(NO}_3)_2 + 2\text{AgCl}$

Mỗi phương trình hóa học đúng được 0,5 điểm, cân bằng sai trừ 0,25 điểm/1 PT.

(Học sinh làm theo cách khác nếu đúng vẫn cho điểm tối đa).

Câu 12. (2,0 đ)

- a. Viết đúng PTHH (0,5 điểm)
b. tính được số mol CO_2 : 0,06 mol
 Tính được số mol NaOH: 0,15 mol (0,25 điểm)
 Lập tỉ lệ $\Rightarrow$ NaOH dư, CO_2 phản ứng hết $\rightarrow$ tính theo số mol CO_2 (0,25 điểm)
 $2\text{NaOH} + \text{CO}_2 \longrightarrow \text{Na}_2\text{CO}_3 + \text{H}_2\text{O}$
Theo pt: 2 1 1 1 (mol)
Theo gt: 0,12 0,06 0,06 (mol) (0,25 điểm)
 Số mol NaOH dư: $0,15 - 0,12 = 0,03$ (mol)
 Khối lượng NaOH dư: $m = n \cdot M = 0,03 \cdot 40 = 1,2$ (g) (0,25 điểm)
c. Khối lượng Na_2CO_3 tạo thành là: $m = n \cdot M = 0,06 \cdot 106 = 6,36$ (g) (0,5 điểm)

Câu 13. (1,0 đ)

Đất chua là đất có tính axit khiến cây trồng khó phát triển. Để trung hòa độ chua của đất, người ta thường bón những chất có tính kiềm như: vôi sống CaO hoặc vôi bột Ca(OH)_2 ,.....

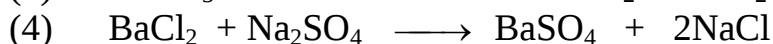
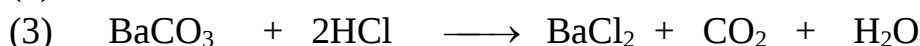
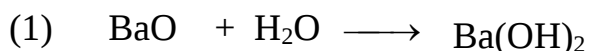
Ngoài ra, bón vôi còn có tác dụng diệt nấm bệnh trong đất.

.....Hết.....

Mã đề 2**A. Trắc nghiệm: (5,0đ)**

Mỗi câu đúng hi 0,5đ. Không chọn câu nào hoặc chọn 2 câu trở lên không ghi điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	B	A	B	C	D	C	A	B	B

B. Tự luận: (5,0đ)**Câu 11. (2,0đ)**

Mỗi phương trình hóa học đúng được 0,5 điểm, cân bằng sai trừ 0,25 điểm/1 PT.

(Học sinh làm theo cách khác nếu đúng vẫn cho điểm tối đa).

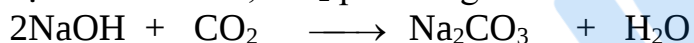
Câu 12. (2,0 đ)

a. Viết đúng PTHH (0,5 điểm)

b. Số mol CO_2 : 0,08 mol

Số mol NaOH: 0,2 mol (0,25 điểm)

Lập tỉ lệ $\Rightarrow$ NaOH dư, CO_2 phản ứng hết $\rightarrow$ tính theo số mol CO_2 (0,25 điểm)



Theo pt: 2 1 1 1 (mol)

Theo gt: 0,16 0,08 0,08 (mol) (0,25 điểm)

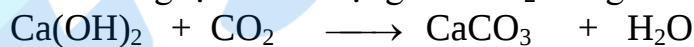
Số mol NaOH dư: $0,2 - 0,16 = 0,04$ (mol)

Khối lượng NaOH dư: $m = n \cdot M = 0,04 \cdot 40 = 1,6$ (g) (0,25 điểm)

c. Khối lượng Na_2CO_3 tạo thành là: $m = n \cdot M = 0,08 \cdot 106 = 8,48$ (g) (0,5 điểm)

Câu 13 (1,0 đ)

Khi quét nước vôi lên tường thì lát sau vôi khô và cứng lại : Nước vôi là canxi hidroxit, dung dịch có màu trắng đục do là chất ít tan trong nước. Khi quét lên tường thì Ca(OH)_2 nhanh chóng khô và cứng lại vì tác dụng với CO_2 trong không khí theo phương trình:



.....Hết